

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19-01-2026
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bò Quốc Khánh.

Ông Đoàn Văn Lước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đức Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 273/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích M, sinh năm 1991; CCCD số 074191005153 ngày 14/02/2025; địa chỉ: Tổ E, ấp B, xã T (N là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Số F, đường N, khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nagata H, sinh năm 1996; Hộ chiếu số TZ2042158 ngày 29/9/2020; địa chỉ: Số B, H, Machida-shi, T, Nhật Bản.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2025 và Bản tự khai ngày 21/10/2025, nguyên đơn bà Lê Thị Bích M trình bày: Bà M và ông Nagata H tự nguyện quen biết, tìm hiểu, tổ chức đám cưới, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 02/11/2017 tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Nay bà M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nagata H.

- Quá trình chung sống, bà với ông Nagata H không có con chung.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nagata H trình bày tại Bản tự khai ngày 10/11/2025 được Đ tại Nhật Bản hợp pháp hoá lãnh sự ngày 09/12/2025 có nội dung như sau: Thống nhất với lời trình bày của bà M về thời điểm kết hôn và chung sống giữa ông với bà M; không có con chung. Quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp dẫn đến gia đình không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do đó, bà M yêu cầu được ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà M nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Nagata H. Ông Nagata H là người nước ngoài, cư trú tại Nhật Bản. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025, đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài, yêu cầu khởi kiện của bà M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và Bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông N Hiro quen biết, tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07 ngày 02/11/2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng: Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nagata H vì cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm, hạnh phúc gia đình không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn. Ông

Nagata H trình bày Bản tự khai ngày 10/11/2025 (được Đ tại Nhật Bản hợp pháp hoá lãnh sự) là thống nhất với lời trình bày của bà M và đồng ý ly hôn. Qua đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông Nagata H là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà M phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bích M đối với bị đơn ông Nagata H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bích M được ly hôn với ông Nagata H.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Bích M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0038447 ngày 14/11/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 17, TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- P.THADS Khu vực 17, TP. Hồ Chí Minh
- UBND xã Bắc Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh;
- Dương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Huế